

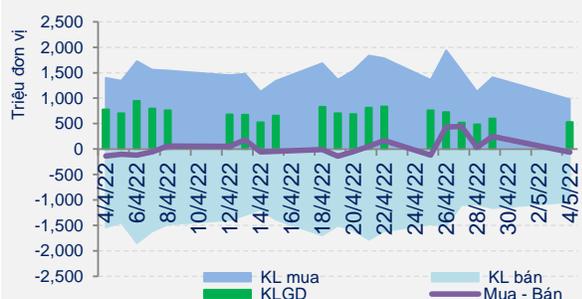
MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

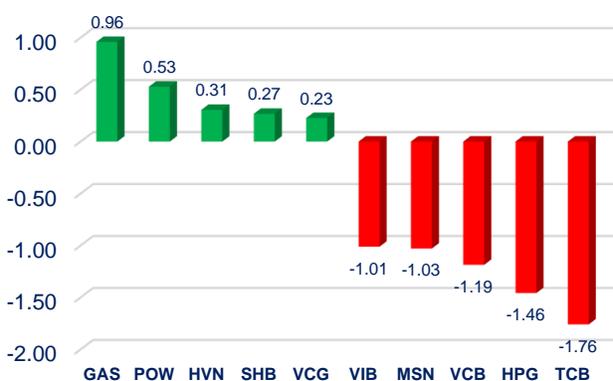
4/5/2022

Thống kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,348.68	360.97
% Thay đổi	↓ -1.33%	↓ -1.33%
KLGD (CP)	528,291,808	73,838,213
GTGD (tỷ đồng)	14,454.36	1,631.64
Tổng cung (CP)	1,040,528,200	107,291,800
Tổng cầu (CP)	979,113,200	90,228,200

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	26,955,300	297,940
KL mua (CP)	17,290,600	1,405,089
GT mua (tỷ đồng)	634.65	34.35
GT bán (tỷ đồng)	939.98	7.93
GT ròng (tỷ đồng)	(305.32)	26.42

Tương quan cung cầu HOSE

Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE


CÁC CỔ PHIẾU CÓ ẢNH HƯỞNG NHẤT ĐẾN VN-INDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Sau kỳ nghỉ lễ kéo dài 4 ngày, thị trường quay trở lại giao dịch với tâm lý tiêu cực của các nhà đầu tư khiến áp lực bán áp đảo. Rất may là thanh khoản lại suy giảm và tiếp tục ở mức thấp.

Cụ thể, kết thúc phiên giao dịch, VN-Index giảm 18,12 điểm (-1,33%) xuống 1.348,68 điểm. Độ rộng là tiêu cực với 301 mã giảm (16 mã giảm sàn), 38 mã tham chiếu, 140 mã tăng (13 mã tăng trần). HNX-Index giảm 4,86 điểm (-1,33%) xuống 360,97 điểm. Độ rộng là tiêu cực với 135 mã giảm (14 mã giảm sàn), 41 mã tham chiếu, 91 mã tăng (11 mã tăng trần).

Thanh khoản khớp lệnh suy giảm so với phiên cuối tuần trước và tiếp tục thấp hơn mức trung bình 20 phiên gần nhất với giá trị giao dịch chỉ đạt 15.269 tỷ đồng trên hai sàn tương ứng với khối lượng giao dịch là 505 triệu cổ phiếu.

Thị trường giảm điểm ngay từ đầu phiên và đà giảm mạnh dần lên sau đó khi mà bên mua tỏ ra rất yếu ớt.

Cổ phiếu bất động sản bị bán mạnh và đồng loạt giảm giá, thậm chí giảm sàn, có thể kể đến DIG (-6,2%), DXG (-5,2%), CEO (-7,8%), FLC (-6,9%)... Cổ phiếu xây dựng cùng chung cảnh ngộ với ROS (-4,9%), HUT (-4,3%), SZC (-4,9%), L14 (-10%)...

Nhóm cổ phiếu trụ cột thị trường là ngân hàng cũng giảm mạnh như VPB (-2,5%), TCB (-4,5%), STB (-3,4%), MBB (-3%)... khiến cho giao dịch trên thị trường càng trở nên tiêu cực.

Nhóm cổ phiếu chứng khoán đồng pha với thị trường với nhiều mã giảm như SSI (-4,6%), VND (-3,2%), HCM (-3,2%), VCI (-2,5%), SHS (-3,6%)...

Chiều ngược lại, các cổ phiếu lớn như POW (+6,8%), GAS (+1,9%), BVH (+1,4%), PLX (+1,4%)... tăng giá để thu hẹp mức giảm của thị trường.

Khối ngoại bán ròng khá mạnh trên HOSE với giá trị ròng ước đạt 305,32 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 9,7 triệu cổ phiếu. Cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất là KDH với 46 tỷ đồng, tiếp theo là DGC với 29,8 tỷ đồng và VHC với 22,2 tỷ đồng. Ở chiều ngược lại, NLG là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 45,6 tỷ đồng, tiếp theo là HPG với 32 tỷ đồng và BCG với 20,8 tỷ đồng.

Trên thị trường phái sinh, các hợp đồng tương lai VN30 đều thấp hơn chỉ số cơ sở VN30 từ 4 đến 6 điểm cho thấy các nhà giao dịch vẫn đang nghiêng về khả năng thị trường có thể tiếp tục giảm.

MARKET LENS

 Phiên giao dịch ngày: **4/5/2022**

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index



VN-Index (-1,33%) giảm khá mạnh trong phiên đầu tuần sau kỳ nghỉ lễ với thanh khoản khởp lệnh suy giảm so với phiên cuối tuần trước và tiếp tục thấp hơn mức trung bình 20 phiên gần nhất. Kết hợp với diễn biến trong phiên hôm nay thì có thể thấy là bên bán ra không thực sự mạnh, mức giảm của chỉ số trong ngày hôm nay chủ yếu đến từ việc lực cầu mua lên quá yếu.

Với phiên giảm khá mạnh hôm nay (-1,33%) thì chỉ số VN-Index hiện kết phiên dưới ngưỡng 1.350 điểm (fibonacci retracement 127,2% sóng điều chỉnh 4) cho nên VN-Index đã xác nhận bước vào sóng điều chỉnh a với target theo lý thuyết quanh ngưỡng 1.200- điểm (fibonacci retracement 38,2% sóng tăng 5). Tuy nhiên, nếu chỉ số có thể lấy lại được ngưỡng 1.350 điểm trong các phiên tiếp theo thì VN-Index sẽ lại bước vào sóng tăng 5 với target theo lý thuyết trong khoảng 1.530-1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4).

Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 5/5, VN-Index có thể sẽ hồi phục trở lại để lấy lại ngưỡng 1.350 điểm (fibonacci retracement 127,2% sóng điều chỉnh 4) nếu lực cầu mua lên là thực sự tốt.

Tuy nhiên, trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán tiếp tục gia tăng thì chỉ số VN-Index có thể tiếp tục lùi về những ngưỡng hỗ trợ thấp hơn để tìm kiếm lực cầu bắt đáy.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Sau kỳ nghỉ lễ kéo dài bốn ngày thì thị trường đã có sự trở lại bằng một phiên giao dịch với mức giảm khá mạnh (-1,33%) với thanh khoản tiếp tục suy giảm cho thấy mức độ quan tâm của nhà đầu tư đối với thị trường vẫn thấp.

Theo đó, với mức giảm trong phiên hôm nay thì định giá P/E của VN-Index hiện đang ở mức 15 lần xấp xỉ mức trung bình 5 năm và P/E của VN30 là 14,4 lần thấp hơn mức trung bình 5 năm gần nhất. Đây là mức định giá có thể coi là hấp dẫn, nhất là đối với rổ cổ phiếu vốn hóa lớn được kỳ vọng sẽ thúc đẩy được lực cầu từ các nhà đầu tư theo trường phái giá trị.

Tuy nhiên, góc nhìn về mặt kỹ thuật lại có phần không ủng hộ cho khả năng hồi phục của VN-Index khi mà chỉ số này đã đánh mất ngưỡng 1.350 điểm sau phiên hôm nay để bước vào sóng điều chỉnh a với target theo lý thuyết quanh ngưỡng 1.200 điểm (fibonacci retracement 38,2% sóng tăng 5). Cửa tăng là vẫn còn nếu thị trường nhanh chóng lấy lại ngưỡng trên.

Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 5/5, VN-Index có thể sẽ hồi phục trở lại để lấy lại ngưỡng 1.350 điểm (fibonacci retracement 127,2% sóng điều chỉnh 4) nếu lực cầu mua lên là thực sự tốt.

Đối với những nhà đầu tư dài hạn, nếu thị trường điều chỉnh sẽ là cơ hội để nâng cao tỷ trọng trong danh mục các cổ phiếu có cơ bản tốt và tiềm năng tăng trưởng trong tương lai. Đối với những nhà đầu tư ngắn hạn hơn có thể tham khảo danh mục cổ phiếu theo dõi của chúng tôi trong bản tin. Đây là những mã đã vượt qua được bộ lọc được chứng minh tính hiệu quả trong quá khứ.



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 4/5/2022

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu TTM	T.trường Lợi nhuận TTM	
GMD	56.5	55-57	63-65	52	23.3	28.0%	86.1%	Giải ngân khi rung lắc, điều chỉnh vùng hỗ trợ ngân 56+-
BWE	53.7	53-53.5	62	50	13.8	8.6%	2.6%	Mua trên nền tích lũy lại
FPT	104.5	103.5	104.5	98	20.3	28.3%	36.7%	Mua trên nền tích lũy lại

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
27/04/2022	PVT	20.5	19	23-23.7	19.5	7.89%	Tiếp tục nắm giữ, nâng mức dừng lỗ
27/04/2022	PAN	26.6	25	30-31	25	6.40%	Tiếp tục nắm giữ, nâng mức dừng lỗ
27/04/2022	PLC	36.2	31.7	36-38	35	14.20%	Tiếp tục nắm giữ, nâng mức dừng lỗ
27/04/2022	SAM	13	11.6	14-14.5	12	12.07%	Tiếp tục nắm giữ, nâng mức dừng lỗ
28/04/2022	CTG	27	28	27.5-28.5	26	-3.57%	Điều chỉnh sau điểm mua, tiếp tục nắm giữ
28/04/2022	BSR	21.9	21.4	24-25	20	2.34%	Tiếp tục nắm giữ, nâng mức dừng lỗ
28/04/2022	HPG	42	42.7	51-53	40	-1.64%	Điều chỉnh sau điểm mua, tiếp tục nắm giữ
29/04/2022	CSV	53.2	50	60-62	48	6.40%	Tiếp tục nắm giữ, nâng mức dừng lỗ
29/04/2022	PTB	111.2	109	119-122	107	2.02%	Tiếp tục nắm giữ, nâng mức dừng lỗ
4/5/2022	VSC	52	49.6	58-59	47	4.84%	Giải ngân giá 49.6
4/5/2022	PVS	25.6	24.8	29-30	24	3.23%	Giải ngân giá 24.8
4/5/2022	CTS	24	24.5	30-32	22	-2.04%	Giải ngân giá 24.5

TIN VÍ MÔ

Tình trạng "lãi trên giấy", nguy cơ bong bóng bất động sản

Trong quý 1 năm nay, nhu cầu tìm kiếm giá của hầu hết các phân khúc bất động sản đều tăng, đặc biệt là đất nền tăng 3 - 5 lần so với thời gian trước, thông tin từ trang Batdongsan.com.vn.

Tuy nhiên, một số nơi đã xuất hiện tình trạng "lãi trên giấy", tức là giá chào bán tăng cao, nhưng lại khó tìm người mua. Giá tăng không đúng với giá trị thật và tiềm ẩn nguy cơ bong bóng bất động sản.

PMI tháng 4 đạt 51.7 điểm, sản lượng và việc làm tăng trở lại

Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng (Purchasing Managers' Index - PMI) ngành sản xuất Việt Nam không thay đổi với kết quả 51.7 điểm trong tháng 4, khi các điều kiện kinh doanh nói chung đã cải thiện trong bảy tháng liên tiếp.

IMF vẫn lạc quan về triển vọng tăng trưởng kinh tế Việt Nam

Theo báo cáo mới nhất của Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), GDP khu vực châu Á được dự báo sẽ tăng trưởng 4,9% trong năm 2022, giảm 0,5 điểm phần trăm so với dự báo được đưa ra vào tháng 1 và tốc độ tăng trưởng này cũng thấp hơn so với mức 6,5% của năm trước...

Thủ tướng Kishida Fumio: Khả năng hợp tác Việt Nam - Nhật Bản là không có giới hạn

Ngày 1/5, ngay sau hội đàm và cuộc gặp gỡ báo chí, Thủ tướng Phạm Minh Chính và Thủ tướng Nhật Bản Kishida Fumio đã dự hội thảo hợp tác Việt Nam - Nhật Bản trong đổi mới công nghệ, chuyển đổi số và đa dạng hóa chuỗi cung ứng...

Vượt đại dịch, kinh tế Việt Nam 4 tháng đầu năm 2022 vẫn tăng trưởng ấn tượng

Những tháng đầu năm 2022, Việt Nam trải qua làn sóng lây nhiễm COVID lớn ở khắp các tỉnh thành nhưng với kinh nghiệm và sự cố gắng của cả hệ thống chính trị, kinh tế xã hội nước ta vẫn đạt được những kết quả ấn tượng, nhiều ngành công nghiệp duy trì được đà tăng trưởng, tình hình xã hội ổn định.



TIN DOANH NGHIỆP

PVDrilling (PVD): Nhiều giàn khoan không có việc, quý 1 vẫn báo lỗ 75 tỷ đồng

Gánh nặng chi phí cộng với khoản lỗ từ hoạt động liên kết và hoạt động khác khiến PVDrilling (PVD) báo lỗ trong quý 1/2022. Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (mã chứng khoán PVD) đã công bố BCTC quý 1/2022 với khoản thua lỗ như ước tính trước đó.

Ngành hàng không hồi phục, lợi nhuận của ông trùm sân bay ACV lên cao nhất từ khi covid bùng phát

Quý 1/2022, trong bối cảnh ngành du lịch mở cửa, Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam đã thu về 2118 tỷ đồng, mức doanh thu cao nhất kể từ quý 2/2020. Tuy nhiên, đà phục hồi vẫn chưa đưa ACV về với mức doanh thu từ trước dịch.

FECON tiếp tục ghi nhận các gói thầu mới trị giá gần 500 tỷ đồng

Quý II/2022, Công ty Cổ phần FECON (HoSE:FCN) vừa thông báo ghi nhận thêm 4 gói thầu mới, với tổng giá trị đạt gần 500 tỷ đồng. Theo đó, nối tiếp 02 gói thầu Xử lý nền và Thi công Cọc khoan nhồi tại Dự án Nhà máy thép Hòa Phát – Dung Quất giai đoạn II, FECON tiếp tục được Chủ đầu tư tin tưởng giao thêm gói thầu thi công Hạ tầng và gói thầu Thi công cọc khoan nhồi, cọc PHC tại Nhà máy thiêu kết vôi viên, Nhà máy vôi xi măng, tổng trị giá hai gói là 268 tỷ đồng.

Chi phí đầu vào tăng mạnh, lợi nhuận quý 1 của DHC giảm 32%

Kết thúc quý 1/2022, CTCP Đông Hải Bến Tre (HOSE: DHC) báo lãi ròng giảm 32% so với cùng kỳ năm trước, còn gần 118 tỷ đồng, khi giá vốn tăng nhanh hơn doanh thu.

VPBank báo lãi trước thuế quý 1 hơn 11,100 tỷ đồng, gấp 2.8 lần cùng kỳ

Theo BCTC hợp nhất quý 1/2022, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank, HOSE: VPB) báo lãi trước thuế gấp 2.8 lần cùng kỳ năm trước, đạt hơn 11,146 tỷ đồng.

Biên lợi nhuận cải thiện, Gỗ Trường Thành có lãi 15 tỷ đồng quý I

Biên lợi nhuận doanh nghiệp gỗ cải thiện từ 11,53% lên 13,97%. Công ty thực hiện được 24% mục tiêu doanh thu và 26% mục tiêu lợi nhuận sau quý đầu năm.

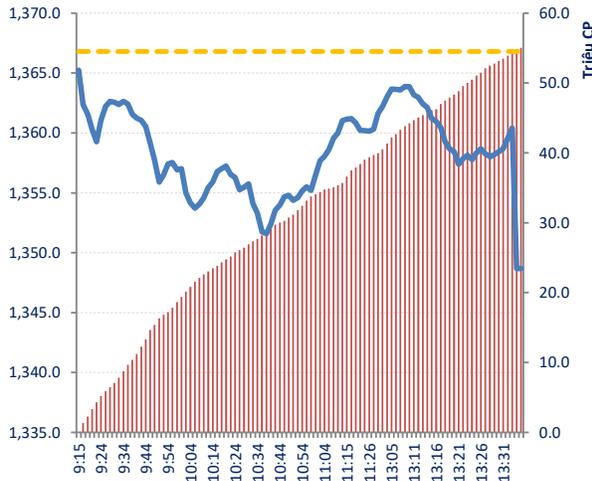
Novaland lãi quý I tăng 49%, bàn giao nhiều dự án

Novaland đạt hơn 1.965 tỷ đồng tổng doanh thu và gần 1.046 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, tăng 49% so với cùng kỳ. Công ty ghi nhận từ việc bàn giao các dự án như NovaWorld Phan Thiet, NovaHills Mui Ne, NovaWorld Ho Tram, Soho Residence, Victoria Village, Aqua City và Saigon Royal.

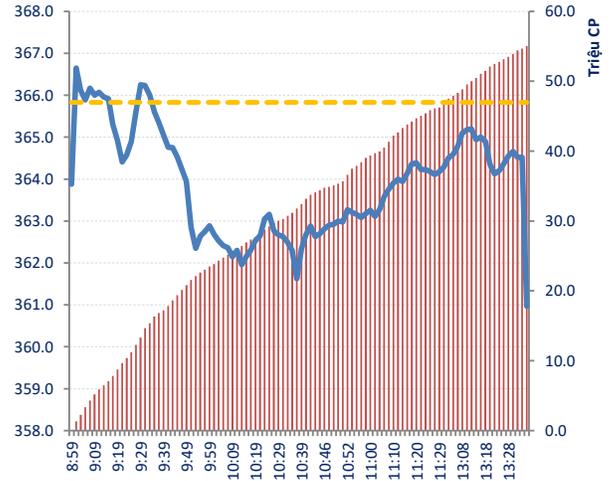


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

KLGD và VN-Index trong phiên



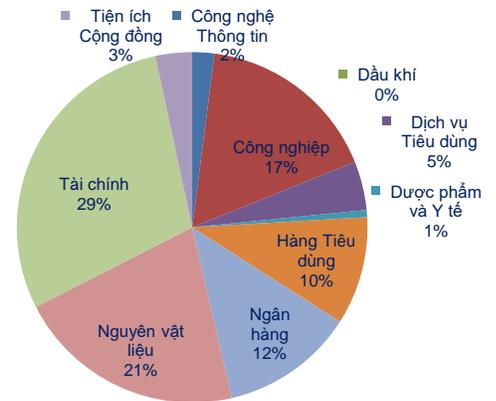
KLGD và HNX-Index trong phiên



Biến động giá phân theo nhóm Ngành



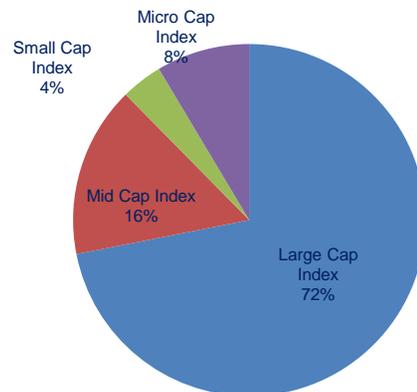
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	BCG	984,600	KDH	981,600
2	NLG	960,900	HAG	515,400
3	HPG	746,500	VND	452,200
4	BID	335,300	PVD	388,900
5	OCB	327,900	HQC	356,100

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVS	1,136,699	TVD	62,400
2	TA9	71,600	PLC	31,300
3	VKC	60,000	NDN	17,090
4	PSW	28,600	CLH	13,600
5	PVG	19,800	PVI	13,600

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ROS	5.31	5.05	↓ -4.90%	27,128,500
POW	13.15	14.05	↑ 6.84%	20,794,300
HPG	43.30	42.00	↓ -3.00%	16,730,300
HSG	28.30	26.35	↓ -6.89%	16,118,100
HQC	5.88	6.01	↑ 2.21%	14,152,400

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
PVS	24.60	25.60	↑ 4.07%	12,065,526
KLF	5.10	4.60	↓ -9.80%	7,922,432
HUT	30.10	28.80	↓ -4.32%	4,000,618
ART	7.30	6.60	↓ -9.59%	3,428,023
CEO	41.20	38.00	↓ -7.77%	3,349,960

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VCG	29.30	31.35	2.05	↑ 7.00%
LCM	5.15	5.51	0.36	↑ 6.99%
SGT	28.00	29.95	1.95	↑ 6.96%
TMT	19.50	20.85	1.35	↑ 6.92%
PNC	8.81	9.42	0.61	↑ 6.92%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SAF	56.10	61.70	5.60	↑ 9.98%
PSW	16.20	17.80	1.60	↑ 9.88%
VGP	25.50	28.00	2.50	↑ 9.80%
BCC	16.40	18.00	1.60	↑ 9.76%
BXH	12.30	13.50	1.20	↑ 9.76%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DTT	16.45	15.30	-1.15	↓ -6.99%
MSH	91.60	85.20	-6.40	↓ -6.99%
DCM	38.65	35.95	-2.70	↓ -6.99%
DPM	67.40	62.70	-4.70	↓ -6.97%
BFC	33.90	31.55	-2.35	↓ -6.93%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VKC	7.00	6.30	-0.70	↓ -10.00%
L14	203.00	182.70	-20.30	↓ -10.00%
KHS	33.10	29.80	-3.30	↓ -9.97%
CX8	9.10	8.20	-0.90	↓ -9.89%
VNC	54.90	49.50	-5.40	↓ -9.84%

(*) Giá điều chỉnh

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)

Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
TCB	137.94	21.0%	5,457	8.1	1.6
DIG	133.01	15.8%	2,279	28.5	4.2
NVL	87.51	8.8%	1,691	48.5	3.8
TDP	53.00	11.7%	1,384	19.5	2.2
VCB	44.17	21.6%	4,632	17.5	2.7

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
NLG	-41.34	5.7%	1,979	23.9	1.4
BCG	-22.13	9.7%	2,446	8.2	0.8
HSG	-16.64	47.7%	8,931	3.2	1.2
HPG	-14.26	46.0%	7,708	5.6	2.1
SAB	-10.68	17.4%	6,124	26.5	4.6

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
GEX	6.47	5.5%	1,364	20.7	1.1
LHG	3.18	21.3%	6,218	7.1	1.5
VSC	3.03	13.5%	5,534	8.8	1.8
VNM	1.88	30.3%	5,042	14.7	4.3
PVD	1.58	0.1%	39	525.2	0.6

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HBC	-1.75	2.5%	423	51.0	1.2
TMS	-1.06	19.6%	6,873	16.0	3.3
STB	-0.82	10.8%	1,855	14.9	1.5
NLG	-0.54	5.7%	1,979	23.9	1.4
VJC	-0.48	0.6%	177	732.0	4.1

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
KDH	43.28	13.1%	1,931	24.8	3.0
HSG	20.17	47.7%	8,931	3.2	1.2
BCM	8.55	8.2%	1,357	63.3	5.2
LPB	7.85	20.5%	2,785	5.9	1.2
DGC	6.96	58.0%	20,107	12.0	5.4

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
TCB	-137.94	21.0%	5,457	8.1	1.6
DIG	-112.65	15.8%	2,279	28.5	4.2
NVL	-81.00	8.8%	1,691	48.5	3.8
TDP	-53.00	11.7%	1,384	19.5	2.2
STB	-45.54	10.8%	1,855	14.9	1.5

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
NLG	46.15	5.7%	1,979	23.9	1.4
HPG	32.27	46.0%	7,708	5.6	2.1
BCG	20.29	9.7%	2,446	8.2	0.8
BID	12.71	12.7%	2,084	17.9	2.2
OCB	7.09	19.3%	2,965	8.1	1.5

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
KDH	-47.05	13.1%	1,931	24.8	3.0
DGC	-29.98	58.0%	20,107	12.0	5.4
VHC	-21.86	25.8%	8,343	12.5	2.9
DIG	-20.32	15.8%	2,279	28.5	4.2
DGW	-18.59	45.9%	8,616	16.1	6.2



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ROS	27,128,500	1.6%	168	31.7	0.5
POW	20,794,300	3250.0%	768	17.1	1.0
HPG	16,730,300	46.0%	7,708	5.6	2.1
HSG	16,118,100	47.7%	8,931	3.2	1.2
HQC	14,152,400	0.1%	9	674.4	0.6

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	12,065,526	4.7%	1,258	19.6	0.9
KLF	7,922,432	0.4%	37	137.6	0.5
HUT	4,000,618	4.8%	549	54.8	2.7
ART	3,428,023	3.0%	350	20.9	0.6
CEO	3,349,960	2.7%	362	113.8	3.0

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VCG	↑ 7.0%	5.3%	937	31.3	1.7
LCM	↑ 7.0%	-0.3%	(24)	-	0.6
SGT	↑ 7.0%	7.2%	923	30.3	2.1
TMT	↑ 6.9%	9.4%	1,122	17.4	1.6
PNC	↑ 6.9%	-9.4%	(1,393)	-	0.6

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SAF	↑ 10.0%	31.3%	4,929	11.4	3.2
PSW	↑ 9.9%	27.9%	3,739	4.3	1.1
VGP	↑ 9.8%	8.9%	2,180	11.7	1.0
BCC	↑ 9.8%	4.0%	685	24.0	0.9
BXH	↑ 9.8%	2.9%	541	22.7	0.7

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
BCG	984,600	9.7%	2,446	8.2	0.8
NLG	960,900	5.7%	1,979	23.9	1.4
HPG	746,500	46.0%	7,708	5.6	2.1
BID	335,300	12.7%	2,084	17.9	2.2
OCB	327,900	19.3%	2,965	8.1	1.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	1,136,699	4.7%	1,258	19.6	0.9
TA9	71,600	12.9%	1,579	11.5	1.5
VKC	60,000	0.6%	70	99.6	0.6
PSW	28,600	27.9%	3,739	4.3	1.1
PVG	19,800	2.4%	326	37.2	0.9

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	382,861	21.6%	4,632	17.5	2.7
VIC	305,115	-1.6%	(624)	-	2.3
VHM	283,034	31.4%	8,807	7.4	2.1
GAS	202,879	17.1%	4,531	23.4	3.9
HPG	193,678	46.0%	7,708	5.6	2.1

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	41,230	21.8%	2,805	42.0	6.5
KSF	32,970	9.0%	1,373	80.0	5.5
NVB	21,604	0.0%	0	102,117.2	3.7
IDC	16,620	9.6%	1,514	36.6	3.5
VCS	16,352	37.2%	11,077	9.2	3.1

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PXI	5.59	-14.7%	(1,011)	-	0.6
DAG	5.24	0.9%	100	90.9	0.8
MCG	5.09	-17.8%	(706)	-	1.7
HQC	4.78	0.1%	9	674.4	0.6
PTC	4.71	23.3%	1,880	10.6	1.0

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PVL	2.85	7.0%	343	22.5	1.5
CEO	2.72	2.7%	362	113.8	3.0
ART	2.62	3.0%	350	20.9	0.6
BII	2.60	5.3%	557	13.8	0.7
APS	2.46	62.2%	9,839	2.1	1.2



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
